

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST

Ngày: 31 - 01 - 2024

V/v tranh chấp Hợp đồng thi công

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Minh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Thành Viên
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thành Luân, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm tra viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST – KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng thi công” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 614/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 68 đường C, Phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Gia H, sinh năm 2001. Địa chỉ liên lạc: Số 276/31/16A đường T, Phường G, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Công ty B.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 141/16 Đường H, Phường I, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 85 đường K, phường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Gia Huy trình bày:*

Ngày 20/9/2017, nguyên đơn Công ty A (Công ty A) có ký kết hợp đồng thi công số 01/2017/HĐKT/MP-TAMLONG với Công ty B (Công ty B). Theo đó, Công ty A đồng ý giao cho Công ty B gia công chế tạo đầu ren cốt thép và cung cấp ống rôi ren (coupler) cho công trình “Chung cư Sài Gòn Homes”.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã thực hiện công việc đúng theo hợp đồng, có xuất hóa đơn giá trị gia tăng và giao đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Công ty B. Tổng giá trị đơn hàng thực hiện là 1.706.760.193 đồng. Sau đó, Công ty B đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 1.568.209.214 đồng, số nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 138.550.979 đồng.

Ngày 12/4/2023, Công ty B đã có Công văn số 1204/CV/MP-2023 về việc đề xuất giải quyết công nợ và ngày 15/11/2023 hai bên đã đối chiếu công nợ. Theo đó Công ty B xác nhận còn nợ Công ty A số tiền là 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng. Công ty B đã đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán và miễn giảm một phần công nợ. Theo đó, Công ty B đề nghị được miễn giảm số tiền 58.550.979 (Năm mươi tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn, chín trăm bảy mươi chín) đồng và đề nghị được thanh toán số tiền 80.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

Quá trình từ khi khởi kiện đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn được khoản tiền nào nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 138.550.979 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/4/2019 đến ngày 31/01/2024 là 108.572.649 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gốc là 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn, chín trăm bảy mươi chín) đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/04/2019 đến ngày 31/01/2024 là 108.572.649 đồng và tiếp tục chịu lãi cho đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ số tiền gốc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự cho thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 108.572.649 đồng tính từ ngày 06/04/2019 đến ngày 31/01/2024 và tiếp tục chịu lãi cho đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ số tiền gốc. Căn cứ Hợp đồng thi công và công văn số 1204/CV/MP-2023 ngày 12/4/2023 của Công ty B giữa hai bên thể hiện bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền như nguyên đơn yêu cầu và yêu cầu tính lãi suất 13.5%/năm là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn Công ty A khởi kiện Công ty B về tranh chấp hợp đồng thi công nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp thi công. Bị đơn Công ty B có trụ sở chính tại quận Gò Vấp. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### *2. Về thủ tục tố tụng:*

Công ty B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty B.

#### *3. Về nội dung:*

3.1. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín)

đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 108.572.649 đồng tính từ ngày 06/04/2019 đến ngày 31/01/2024 và tiếp tục chịu lãi cho đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ số tiền gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng thi công số 01/2017/HĐKT/MP-TAMLONG giữa Công ty A với Công ty B thể hiện hai bên có thỏa thuận về việc giao cho Công ty B gia công chế tạo đầu ren cốt thép và cung cấp ống rối ren (coupler) cho công trình “Chung cư Sài Gòn Homes”. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A đã tiến hành theo đúng quy định hợp đồng nhưng Công ty B không thanh toán đúng hạn.

Căn cứ công văn số 1204/CV/MP-2023 ngày 12/4/2023 của Công ty B và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/11/2023 thể hiện Công ty B còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc là 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng.

Như vậy đủ cơ sở xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền là 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn thiếu là 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền trả lãi chậm thanh toán, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả, với mức lãi suất là 13.5%/năm tính từ ngày 06/4/2019 đến ngày 31/01/2024 là 108.572.649 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, như đã phân tích ở trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Thời gian tính lãi từ ngày 06/4/2019 là phù hợp khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại. Yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 13.5%/năm của nguyên đơn là phù hợp với lãi suất liên ngân hàng tại thời điểm xét xử và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở chấp nhận.

#### *4. Về án phí:*

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty B phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 12.356.181 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của Công ty A được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 5.837.312 đồng theo biên

lai thu số AA/2023/0011964 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, Điều 55, Điều 306, của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ban hành ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty B trả cho Công ty A số tiền là 247.123.628 đồng, trong đó: Tiền gốc là 138.550.979 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 108.572.649 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 12.356.181 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 5.837.312 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0011964 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Loan**